TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 378/2021/DS-PT
Ngày: 25-11-2021
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản,
Khiếu kiện Quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh
Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười
Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22, 25 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 458/2020/TLDS ngày 04/9/2020 về "Tranh chấp thừa kế tài sản", "Khiếu kiện Quyết định hành chính". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 666/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3585/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trịnh Xuân Q, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: đường Tân T, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tân X, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Ngọc U, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: đường Lê Văn T, Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Duy T, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Lê Văn T, Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trịnh Xuân Q1, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Lạc Long Q, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đàm Bích N1, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tân T, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trẻ Trịnh Xuân B, sinh năm 2007.

Địa chỉ: đường Tân T, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Trịnh Xuân B: Ông Trịnh Xuân Q.

Địa chỉ: đường Tân T, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ủy ban nhân dân quận Tân B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Trường C, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn L1 – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường quận Tân Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q và cũng người đại diện của trẻ Trịnh Xuân B trình bày:

Cha, mẹ của ông Trịnh Xuân Q là bà Lê Ngọc N và ông Trịnh Văn H chung sống với nhau có 04 người con gồm: Ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1.

Bà Lê Ngọc N và ông Trịnh Văn H đã ly hôn vào năm 1992.

Ngày 06/6/1994, bà Lê Ngọc N mua căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Ngô Thị H1, ông Đặng Văn Đ. Sau khi mua nhà, bà Lê Ngọc N cùng các con sinh sống tại căn nhà này. Năm 1996, bà Lê Ngọc N bị bệnh nặng và được điều trị dài hạn tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, thời điểm này bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1 còn nhỏ nên tất cả việc chăm sóc bà Lê Ngọc N, chăm sóc các em đều do ông Trịnh Xuân Q lo liệu, gánh vác. Đến khoảng tháng 4/1996 bệnh tình của bà Lê Ngọc N trầm trọng, lúc tỉnh lúc mê, tinh thần bất ổn, bà Lê Ngọc N nằm một chỗ điều trị bệnh tại nhà. Đến ngày 05/5/1996, bà Lê Ngọc N chết. Sau khi bà Lê Ngọc N chết, ông Trịnh Xuân Q tiếp tục quản lý, sử dụng nhà cho đến nay.

Nay ông Trịnh Xuân Q phát hiện căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lê Ngọc N mua và đứng tên vào năm 1994 đã được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013, cấp cho bà Trịnh Ngọc U trên cơ sở tờ di chúc của bà Lê Ngọc N vào ngày 23/4/1996 đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực. Ông Trịnh Xuân Q cho rằng bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập ngày 23/4/1996 đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực là không đúng pháp luật vì tại thời điểm này bà Lê Ngọc N bị bệnh nặng, lúc tỉnh lúc mê, tinh thần bất ổn, bà Lê Ngọc N nằm một chỗ điều trị bệnh tại nhà, không còn năng lực hành vi để làm di chúc. Do đó, ông Trịnh Xuân Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập vào ngày 23/4/1996 đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U.

- Chia thừa kế theo pháp luật căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con của bà Lê Ngọc N gồm: Ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1 sau khi trừ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) là tiền công sức gìn giữ, bảo quản căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trịnh Xuân Q.

- Yêu cầu bà Trịnh Ngọc U chia số tiền bà Trịnh Ngọc U cho thuê nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (tầng trệt) từ tháng 4/2016 cho đến nay, tiền cho thuê mỗi tháng 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), chia đều cho 04 người gồm: Ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1.

Bị đơn bà Trịnh Ngọc U trình bày:

Về nhân thân và quan hệ gia đình, bà Trịnh Ngọc U thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q.

Về căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trịnh Xuân Q tranh chấp thừa kế, bà Trịnh Ngọc U trình bày:

Sau khi ly hôn, mẹ bà Trịnh Ngọc U là bà Lê Ngọc N đã mua căn nhà nêu trên, bà Trịnh Ngọc U xác định đây là tài sản riêng của bà Lê Ngọc N.

Ngày 23/4/1996, bà Lê Ngọc N đã lập bản di chúc để lại tài sản của bà Lê Ngọc N cho bà Trịnh Ngọc U, trong đó có căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bản di chúc đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, đến ngày 05/5/1996 bà Lê Ngọc N chết.

Năm 2000, bà Trịnh Ngọc U làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc và ông bà ngoại của bà Trịnh Ngọc U là ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị H2 là những người thừa kế di sản của bà Lê Ngọc N không phụ thuộc vào di chúc của bà Lê Ngọc N, đã tặng cho phần hưởng của mình trong di sản của bà Lê Ngọc N cho bà Trịnh Ngọc U.

Ngày 04/02/2013, bà Trịnh Ngọc U đã được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013. Vì vậy, bà Trịnh Ngọc U không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Q.

Do hiện nay ông Trịnh Xuân Q đang chiếm giữ căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trịnh Ngọc U yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trịnh Xuân Q giao trả căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trịnh Ngọc U.

- Đồng ý cho ông Trịnh Xuân Q lưu cư tại căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 06 tháng, bà Trịnh Ngọc U hỗ trợ cho ông Trịnh Xuân Q số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) ngay khi ông Trịnh Xuân Q giao trả nhà cho bà Trịnh Ngọc U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 trình bày:

Căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của mẹ của ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 tên Lê Ngọc N theo giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1164/GP – UB ngày 06/6/1994 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi mẹ của ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 chết, có để lại di chúc căn nhà này cho chị ruột của ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 tên Trịnh Ngọc U và chị Trịnh Ngọc U đã được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013. Ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 không tranh chấp, khiếu nại gì về tài sản này và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Bích N1 trình bày:

Bà Đàm Bích N1 là vợ ông Trịnh Xuân Q, hiện nay bà Đàm Bích N1 cùng ông Trịnh Xuân Q và con Trịnh Xuân B đang cư trú tại căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài những người nêu trên không còn ai cư trú tại địa chỉ trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Q, bà Đàm Bích N1 đồng ý và yêu cầu Tòa án chấp nhận, bà Đàm Bích N1 không có yêu cầu khác đối với căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với trẻ Trịnh Xuân B, bà Đàm Bích N1 đồng ý để ông Trịnh Xuân Q là người đại diện theo pháp luật cho trẻ Trịnh Xuân B. Bà Đàm Bích N1 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Ngày 01/01/2020 bà Nguyễn Thị Lệ H có ký hợp đồng thuê mặt bằng căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Trịnh Ngọc U, diện tích thuê 04m x 08m, thời hạn thuê là 01 năm, giá thuê 5.000.000đ/ tháng (Năm triệu đồng), mục đích thuê để kinh doanh. Ông Trịnh Xuân Q tranh chấp nhà đối với bà Trịnh Ngọc U không liên quan đến bà Nguyễn Thị Lệ H vì bà Nguyễn Thị Lệ H chỉ là người thuê nhà, không có đóng góp công sức gì đối với căn nhà đang thuê, nếu có phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê nhà bà Nguyễn Thị Lệ H sẽ giải quyết trong vụ án khác. Bà Nguyễn Thị Lệ H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Trần Văn T làm đại diện ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Lê Ngọc N theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1164/GP – UB ngày 06/6/1994 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, diện tích khuôn viên 47,35m^2, nhà trệt+lửng+01 lầu. Bà Lê Ngọc N có lập di chúc ngày 23/4/1996 để lại nhà cho bà Trịnh Ngọc U có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1996, bà Lê Ngọc N chết, căn nhà đã khai nhận di sản thừa kế theo tờ khai lệ phí trước bạ ngày 07/3/2000; theo đó những người thừa kế là ông Lê Ngọc T, bà Huỳnh Thị H1 và bà Trịnh Ngọc U (Thừa kế theo nội dung di chúc). Ngày 26/5/2000, ông Lê Ngọc T, bà Huỳnh Thị H1 tặng cho một phần nhà được thừa kế cho bà Trịnh Ngọc U theo hợp đồng tặng cho nhà số 4662/HĐ – TCN do Phòng Công chứng số 02 chứng nhận để bà Trịnh Ngọc U trọn quyền sở hữu nhà. Năm 2012 bà Trịnh Ngọc U lập thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, kèm theo bản vẽ hiện trạng số 3292/HĐĐV2012 do Công ty TNHH Khảo sát – Thiết kế ADEC lập đã được Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và môi trường quận Tân Bình kiểm tra nội nghiệp ngày 30/10/2012, diện tích khuôn viên 57,38m^2, nhà 02 tầng, sàn BTCT, mái tole và Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình xác nhận nhà đất không tranh chấp. Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ – CP ngày 19/10/2009 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 17/2009/TT – BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về cấp giấy chứng nhận; Phòng Tài nguyên và môi trường quận Tân Bình đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01017 ngày 04/02/2013 cho bà Trịnh Ngọc U đối với căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 48,88m^2, nhà 02 tầng+lửng, sàn BTCT, mái tole là đúng theo trình tự thủ tục, quy định pháp luật.

Do đó, việc ông Trịnh Xuân Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN số

CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U đối với căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở. Đối với việc ông Trịnh Xuân Q yêu cầu hủy bản di chúc của bà Lê Ngọc N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giải quyết theo Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án.

Giá trị nhà đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q và bị đơn bà Trịnh Ngọc U thống nhất giá trị tài sản tranh chấp là căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản định giá tài sản ngày 30/10/2018, cụ thể:

- Giá trị đất: 19.552.000.000đ (Mười chín tỷ năm trăm năm mươi hai triệu đồng);

- Giá trị xây dựng: 437.952.375đ (Bốn trăm ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng);

Tổng cộng giá trị nhà đất tại số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là 19.989.952.375đ (Mười chín tỷ chín trăm tám mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, động viên các đương sự nhưng hòa giải không thành nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 666/2020/DS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q đối với bị đơn bà Trịnh Ngọc U, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q yêu cầu hủy bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập vào ngày 23/4/1996 đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q yêu cầu bà Trịnh Ngọc U chia số tiền bà Trịnh Ngọc U cho thuê nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (tầng triệt) từ tháng 4/2016 cho đến nay, tiền cho thuê mỗi tháng 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q đối với bị đơn bà Trịnh Ngọc U:

Buộc bà Trịnh Ngọc U thanh toán tiền thù lao, công sức gìn giữ cho người quản lý di sản căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Trịnh Xuân Q số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thi hành ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trịnh Ngọc U đối với nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q:

Buộc ông Trịnh Xuân Q giao trả căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trịnh Ngọc U. Thi hành sau 06 (Sáu) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Ngọc U cho ông Trịnh Xuân Q lưu cư tại căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bà Trịnh Ngọc U hỗ trợ cho ông Trịnh Xuân Q số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), thi hành sau 06 (Sáu) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trịnh Xuân Q có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, nếu bà Trịnh Ngọc U chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2020 nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q có đơn kháng cáo, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trịnh Xuân Q trình bày, ông Q biết việc bà Lê Ngọc N lập bản di chúc ngày 23/4/1996 vì việc lập bản di chúc được thực hiện tại nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có sự chứng kiến của 04 anh em ông Trịnh Xuân Q, tổ dân phố và đại diện Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ông Q xác định bà N mong muốn di sản được chia đều cho 04 anh em của ông Q chứ không phải để lại toàn bộ tài sản cho bà U. Đồng thời, ông Q yêu cầu chia tiền cho thuê nhà hàng tháng và được tính tiền công sức gìn giữ, tôn tạo di sản với số tiền 1.000.000.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn T trình bày bổ sung: ông Q đã sống tại căn nhà số 46 Tân Thọ hơn 25 năm, ngoài công sức gìn giữ di sản còn có công tôn tạo và làm tăng giá trị căn nhà như hiện tại, do đó yêu cầu được hưởng số tiền công sức gìn giữ, tôn tạo di sản là có căn cứ và phù hợp với giá trị của tổng di sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Thanh L trình bày: Qua các chứng cứ đã được Tòa án thu thập cho thấy, nguồn gốc di sản là tài sản cá nhân của bà N, được bà N phân chia bằng di chúc được lập hợp pháp ngày 23/4/1996, có nội dung để lại toàn bộ tài sản trong đó có căn nhà số 46 Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trịnh Ngọc U. Bà U đã được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc bà U khai ông bà ngoại của bà là ông Lê Ngọc T, bà Huỳnh Thị H2 tặng cho một phần nhà được thừa kế từ bà N cho lại bà U theo hợp đồng tặng cho nhà số 4662/HĐ – TCN để bà U trọn quyền sở hữu nhà là bởi quy định mới, chỉ là thủ tục. Mặt khác, lời trình bày của nguyên đơn về việc tại thời điểm lập di chúc bà N đã bệnh nặng và không còn tỉnh táo là không chính xác, bởi lẽ bà N mất do bệnh gan là bệnh lý không ảnh hưởng đến trí tuệ nên bà N vẫn còn minh mẫn khi lập di chúc. Như vậy, bà U đã được thừa kế di sản của bà N theo di chúc ngày 23/4/1996 là hợp pháp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q. Tại cấp sơ thẩm, ông Q không có yêu cầu về chi phí tu sửa nhà, nâng nền nhà khi Nhà nước làm đường mà chỉ phát sinh chi phí gìn giữ tài sản, nhằm đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tách yêu cầu này thành vụ kiện khác.

Bị đơn bà Trịnh Ngọc U trình bày bổ sung: không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q, xin giữ nguyên yêu cầu phản tố, không đồng ý yêu cầu của ông Q về số tiền công sức tôn tạo di sản là 1.000.000.000đ. Đồng thời bà U đề nghị khi nào ông Q giao trả căn nhà số 46 Tân Thọ thì bà mới trả các khoản tiền mà cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho ông Q.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ nên đề nghị được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: theo hồ sơ vụ án nhận thấy căn nhà đang tranh chấp là tài sản cá nhân của bà N, bà N có quyền tự định đoạt tài sản của bà việc lập di chúc. Ông Q cho rằng bà N có mong muốn chia di sản thành 04 phần chia đều cho các con nhưng không có gì chứng minh, do di chúc được lập khi có sự chứng kiến của các con và chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật nên việc phân chia di sản thừa kế của bà N là đúng quy định. Do đó không có cơ sở hủy di chúc theo yêu cầu của ông Q. Nhận thấy bản án sơ thẩm đã xem xét công sức gìn giữ tài sản là có căn cứ, ông Q có kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của ông.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất các tình tiết, sự kiện:

- Về di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại:

Căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lê Ngọc N mua của bà Ngô Thị H, ông Đặng Văn Đ vào năm 1994 theo văn tự mua bán nhà đã được Ủy ban nhân dân Phường 8 và Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20/4/1994, đến ngày 06/6/1994 bà Lê Ngọc N đã được công nhận quyền sở hữu nhà theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1164/GP – UB của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Bà Lê Ngọc N và ông Trịnh Văn H là vợ chồng, đã ly hôn vào năm 1992 theo Quyết định dân sự thuận tình ly hôn sơ thẩm số 131/TTLH ngày 22/7/1992 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Lê Ngọc N chết ngày 05/5/1996; Sau khi ly hôn với ông Trịnh Văn H cho đến ngày chết, bà Lê Ngọc N không có kết hôn với ai. Do đó, có cơ sở xác định tài sản căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng và là di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 637 Bộ luật Dân sự năm 1995.

- Về người thừa kế theo pháp luật của bà Lê Ngọc N:

Cha mẹ bà Lê Ngọc N là ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị H2. Bà Lê Ngọc N và ông Trịnh Văn H là vợ chồng, đã ly hôn vào năm 1992 theo Quyết định dân sự thuận tình ly hôn sơ thẩm số 131/TTLH ngày 22/7/1992 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, bà Lê Ngọc N và ông Trịnh Văn H có 04 người con chung gồm: Ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Lê Ngọc N theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 gồm 06 người gồm: Ông Lê Ngọc T, bà Huỳnh Thị H1, ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1.

Trên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định người thừa kế theo pháp luật và di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại như đã nêu trên.

[2.2] Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

Tại bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập ngày 23/4/1996 có nội dung bà Lê Ngọc N làm bản di chúc để lại toàn bộ tài sản của mình cho đứa con gái ruột tên Trịnh Ngọc U, sinh ngày 21/8/1980, trong toàn bộ tài sản của bà Lê Ngọc N có tài sản *"……. Căn nhà số 153/42 Tân Thọ, tổ 6, khu phố 1, Phường 8, quận Tân Bình – Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1164/GP – UB của UBND quận Tân Bình cấp……"*, bản di chúc này đã được bà Lê Ngọc N lập trước sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, đại diện tổ dân phố 6, khu phố 1 và đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 23/4/1996.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp bản sao bản di chúc ngày 23/4/1996 của bà Lê Ngọc N, thể hiện bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập trước sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, đại diện tổ dân phố 6, khu phố 1 và đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 23/4/1996; Song song đó tại phiên tòa, ông Trịnh Xuân Q cũng thừa nhận biết và chứng kiến việc lập di chúc của bà Lê Ngọc N ngày 23/4/1996, có thấy sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, đại diện tổ dân phố 6, khu phố 1. Đối chiếu Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Khoản 3 Điều 653, Khoản 1 Điều 655, Điều 656, Điều 660, Điều 661, Khoản 1 Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 1995; có cơ sở xác định bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập ngày 23/4/1996 và đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 23/4/1996 là di chúc hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, người có tên duy nhất trong di chúc được hưởng tài sản của bà Lê Ngọc N là bà Trịnh Ngọc U.

Tuy nhiên, thời điểm bà Lê Ngọc N lập bản di chúc ngày 23/4/1996, các con là ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân Q1 chưa đủ 18 tuổi. Cụ thể, theo Giấy Căn cước công dân số 079078008635 do Bộ Công an cấp ngày 7/11/2018 thể hiện ông Trịnh Xuân Q sinh ngày 04/5/1978 là chưa đủ 18 tuổi tính đến ngày 23/4/1996 là ngày bà N lập di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: tại thời điểm mở thừa kế ngày 05/5/1996, căn nhà số 153/42 (Số mới hiện nay là số 46) đường Tân Thọ, tổ 6, khu phố 1, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại cho người có tên trong di chúc ngày 23/4/1996 là bà Trịnh Ngọc U, không phải là di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại cho những người thừa kế theo pháp luật của bà Lê Ngọc N. Song song đó, tại thời điểm mở thừa kế ngày 05/5/1996, ông Trịnh Xuân Q đã tròn 18 tuổi, cũng không phải là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc ngày 23/4/1996 của bà Lê Ngọc N theo quy định tại Điều 672 Bộ luật Dân sự năm 1995. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Q yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà số 153/42 (Số mới hiện nay là số 46) đường Tân Thọ, tổ 6, khu phố 1, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là áp dụng sai pháp luật, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Trường hợp này cần phải xác định độ tuổi của các con của bà N là chưa đủ 18 tuổi vào thời điểm

bà N lập di chúc là ngày 23/4/1996 và áp dụng Điều 672 của Bộ luật Dân sự 1995 để giải quyết. Cụ thể:

"*Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc:*

Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu như di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó, trừ khi họ là những người từ chối hưởng di sản hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 645 hoặc khoản 1 Điều 646 của Bộ luật này:

1- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

2- Con đã thành niên mà không có khả năng lao động."

Như vậy, bản di chúc của bà N được lập ngày 23/4/1996 mà không đề cập đến đối tượng là con chưa thành niên và cha mẹ của bà N đã vi phạm quy định tại Điều 672 nêu trên. Mặc dù bản di chúc của bà N đã đáp ứng được hết các điều kiện để di chúc hợp pháp tuy nhiên đã có một phần nội dung của di chúc không hợp pháp tại thời điểm lập di chúc nên bị vô hiệu một phần. Nhằm đảm bảo ý chí của người để lại di sản và đảm bảo lợi ích của những người trong hàng thừa kế, xét thấy phần di chúc bị vô hiệu phải được chia theo pháp luật để giải quyết toàn diện vụ án. Xem xét chia thừa kế cho các con của bà N gồm Trịnh Xuân Q, Trịnh Xuân L, Trịnh Xuân Q1, cha mẹ của bà N là ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị H2 đã lập hợp đồng tặng cho phần thừa kế của bà N lại cho bà Trịnh Ngọc U, đồng thời bà U người được chỉ định hưởng di sản bằng hiện vật.

Xét thấy, tổng cộng giá trị nhà đất tại số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là 19.989.952.375đ theo biên bản định giá tài sản ngày 30/10/2018. Bà N có 06 người thừa kế theo pháp luật, do đó một kỷ phần thừa kế là 3.331.658.729đ. Như vậy, hai phần ba của một kỷ phần thừa kế được hưởng không phụ thuộc nội dung di chúc bằng 2.221.105.819đ.

Trong trường hợp này, các con của bà N là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc như nhận định nêu trên, do đó bà U là người được hưởng di sản bằng hiện vật và ông Q, ông Lợi, ông Quyền mỗi người được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, theo đó, mỗi người được hưởng một phần thừa kế có giá trị 2.221.105.819đ.

Về phần thừa kế phát sinh từ di sản là căn nhà 46 Tân Thọ, các ông Trịnh Xuân L, Trịnh Xuân Q1 đã có văn bản ý kiến không tranh chấp, không khiếu nại vì ông L, ông Q1 xác định đây là di sản đã được bà N lập di chúc để lại cho bà U nên các ông không có quyền lợi đối với tài sản này. Như vậy, theo quy định tại Điều 672 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì ông Q được hưởng một phần thừa kế có giá trị 2.221.105.819đ. Phần thừa kế của ông L, ông Q1 sẽ được giao cho bà U dựa trên ý chí của các ông.

[2.3] Về công sức cho người quản lý di sản thừa kế:

Qua trình bày của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Kể từ khi bà Lê Ngọc N mua căn nhà số 153/42 (Số mới hiện nay là số 46) đường

Tân Thọ, tổ 6, khu phố 1, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Ngọc N cùng các con là ông Trịnh Xuân Q, bà Trịnh Ngọc U, ông Trịnh Xuân L, ông Trịnh Xuân Q1 cùng cư trú, sử dụng nhà, ông Trịnh Xuân Q đã chăm sóc khi bà Lê Ngọc N bị bệnh cho đến khi bà Lê Ngọc N chết. Sau khi bà Lê Ngọc N chết, ông Trịnh Xuân Q là người tiếp tục sử dụng và bảo quản di sản là căn nhà số 153/42 (Số mới hiện nay là số 46) đường Tân Thọ từ năm 1996 cho đến nay. Như vậy, ông Trịnh Xuân Q là người quản lý di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại, theo quy định tại Điều 641 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Tòa án đã thẩm định tại chỗ căn nhà số 153/42 (Số mới hiện nay là số 46) đường Tân Thọ thể hiện hiện trạng nhà đất không có gì thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp cho bà Trịnh Ngọc U, chứng tỏ ông Trịnh Xuân Q đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người quản lý di sản theo quy định tại Điều 642 Bộ luật Dân sự năm 1995. Ông Trịnh Xuân Q yêu cầu bà Trịnh Ngọc U thanh toán số tiền công sức gìn giữ, bảo quản căn nhà số 46 đường Tân Thọ với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), xét thấy ông Trịnh Xuân Q là người quản lý di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại gần 21 năm kể từ ngày mở thừa kế ngày 05/5/1996 đến ngày bà Trịnh Ngọc U thông báo đòi nhà ngày 03/7/2017. Trong thời gian quản lý di sản, ông Trịnh Xuân Q đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người quản lý di sản, không làm hư hỏng di sản, không cho thuê di sản, không thu lợi từ di sản mà ngược lại có công tăng giá trị tài sản thừa kế nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Xuân Q về yêu cầu bà Trịnh Ngọc U thanh toán số tiền công sức gìn giữ, bảo quản căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo quy định tại Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Xuân Q cho rằng ngoài công sức gìn giữ di sản như cấp sơ thẩm đã xem xét thì ông Q còn có công sức duy trì và có công tôn tạo đối với khối di sản thừa kế để khối di sản có được giá trị như hiện tại, do vậy ông yêu cầu được xem xét công sức quản lý, duy trì và tôn tạo di sản bằng số tiền 1.000.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Q đã sinh sống tại căn nhà này từ năm 1995 cho đến nay, xét đến việc ông Q đã có quá trình quản lý tốt di sản nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính công sức đóng góp cho ông Q là phù hợp. Tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Q chưa đưa ra yêu cầu về việc tính công sức tôn tạo giá trị di sản. Đối với yêu cầu này cũng cần thiết được xem xét. Bởi lẽ trong suốt quá trình ông Q quản lý di sản đã góp nhiều công sức, chi phí để khối di sản tồn tại và tăng giá trị lên gấp nhiều lần trong nhiều năm mà không hề bị mất mát, xuống cấp. Nhận thấy đây là quyền lợi chính đáng và giá trị của công sức tương xứng với giá trị tăng lên của di sản. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là hợp lý, có căn cứ, lẽ ra ông Q được nhiều hơn, tương đương với một kỷ phần thừa kế, tuy nhiên tại phiên tòa ông Q chỉ yêu cầu toàn bộ số tiền là 1.000.000.000đ, do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho ông Q số tiền công sức tương đương 1.000.000.000đ như ông yêu cầu.

[2.4] Xét yêu cầu chia số tiền cho thuê căn nhà số 46 đường Tân Thọ từ tháng 4/2016 đến nay:

Ông Trịnh Xuân Q trình bày, bà Trịnh Ngọc U đã cho thuê căn nhà số 46 Tân Thọ với giá cho thuê mỗi tháng 90.000.000đ, nhưng đây chỉ là lời trình bày mà không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, bà U chỉ thừa nhận số tiền cho thuê nhà là 5.000.000đ/tháng và số tiền này là không đáng kể, bà U đã dùng hết số tiền này để chi dụng trong gia đình và thỉnh thoảng hỗ trợ cho các em chứ không có việc chia tiền cho thuê nhà hàng tháng như ông Q trình bày; Đồng thời, căn nhà số 46 đường Tân Thọ là di sản của bà Lê Ngọc N chết để lại cho người thừa kế theo di chúc là bà Trịnh Ngọc U như đã nhận định, nên trường hợp bà U có cho thuê căn nhà số 46 đường Tân Thọ thì số tiền này cũng thuộc quyền sở hữu của bà U, không phải là số tiền lợi tức thu được từ di sản thừa kế theo pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Xuân Q.

[2.5] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U:

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013, cấp cho bà Trịnh Ngọc U trên cơ sở pháp lý là bản di chúc ngày 23/4/1996 của bà Lê Ngọc N đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 23/4/1996 và hợp đồng tặng cho nhà giữa ông Lê Ngọc T, bà Huỳnh Thị H1 và bà Trịnh Ngọc U đã được công chứng số 4662/HĐ-TCN, số vào sổ 44392 quyển 04 do Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 26/5/2000 là có thiếu sót, vì:

Như nhận định nêu trên, bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập ngày 23/4/1996 là di chúc hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, người có tên duy nhất trong di chúc được hưởng tài sản căn nhà số 46 đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Ngọc N là bà Trịnh Ngọc U. Vì vậy, xét thấy không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Xuân Q.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tiền cho thuê nhà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, tuy nhiên chưa xem xét đầy đủ các tình tiết khác trong vụ án về yêu cầu chia thừa kế và xem xét tiền công tôn tạo di sản. Cần thiết phải chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc công nhận cho ông Trịnh Xuân Q được hưởng một phần thừa kế bằng hai phần ba một suất thừa kế đối với di sản là căn nhà số 46 Tân Thọ vì ông Q thuộc trường hợp là người

được hưởng di sản không phụ thuộc nội dung của bản di chúc do bà Lê Ngọc N lập ngày 23/4/1996, đồng thời chấp nhận yêu cầu tính công sức tôn tạo di sản cho ông Q với số tiền 1.000.000.000đ. Ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí về thừa kế: Ông Trịnh Xuân Q phải chịu án phí tương ứng với số tiền 2.221.105.819đ là phần tài sản ông Q được hưởng.

- Án phí về yêu cầu chia tiền cho thuê nhà: Ông Trịnh Xuân Q phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu bà Trịnh Ngọc U chia tiền thuê nhà từ tháng 4/2016 đến nay bởi yêu cầu này không được chấp nhận.

- Án phí về công sức quản lý di sản: Bà Trịnh Ngọc U phải chịu án phí tương ứng với số tiền 1.000.000.000đ là công sức quản lý di sản mà ông Trịnh Xuân Q được chấp nhận.

[3.2] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trịnh Xuân Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm vì yêu cầu hủy GCN QSDĐ được phát sinh từ yêu cầu chia thừa kế.

[3.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Xuân Q. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 666/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Q đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Lê Ngọc N là đất và căn nhà tại số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích khuôn viên 47,35m^2, kết cấu nhà trệt+lửng+01 lầu theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2018.

- Chia cho bà Trịnh Ngọc U phần thừa kế bằng hiện vật là đất và căn nhà tại số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013.

- Chia cho ông Trịnh Xuân Q phần thừa kế bằng giá trị là số tiền 2.221.105.819đ. Bà Trịnh Ngọc U có nghĩa vụ thanh toán phần thừa kế này cho ông Q.

- Chia cho các ông Trịnh Xuân L và Trịnh Xuân Q1 mỗi người được hưởng một phần thừa kế bằng giá trị là số tiền 2.221.105.819đ. Hai phần thừa kế này được giao cho bà Trịnh Ngọc U.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q đối với bị đơn bà Trịnh Ngọc U về việc:

- Hủy bản di chúc của bà Lê Ngọc N lập vào ngày 23/4/1996 đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực.

- Chia số tiền bà Trịnh Ngọc U cho thuê nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (tầng triệt) từ tháng 4/2016 cho đến nay, tiền cho thuê mỗi tháng 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BL364834 số vào sổ cấp GCN số CH01017 ngày 04/02/2013 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Ngọc U.

3. Buộc bà Trịnh Ngọc U thanh toán tiền thù lao, công sức gìn giữ, làm tăng giá trị di sản cho người quản lý di sản căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Trịnh Xuân Q số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trịnh Ngọc U đối với nguyên đơn ông Trịnh Xuân Q: Buộc ông Trịnh Xuân Q giao trả căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trịnh Ngọc U. Thi hành sau 06 (Sáu) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Ngọc U cho ông Trịnh Xuân Q lưu cư tại căn nhà số 46 (Số cũ 153/42) đường Tân Thọ, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bà Trịnh Ngọc U hỗ trợ cho ông Trịnh Xuân Q số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), thi hành sau 06 (Sáu) tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Xuân Q phải chịu án phí về thừa kế là 76.422.116đ (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười sáu đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trịnh Xuân Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006289 ngày 30/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q phải nộp thêm 58.422.116 đồng.

- Ông Trịnh Xuân Q phải chịu án phí về yêu cầu chia tiền cho thuê nhà là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí

ông Trịnh Xuân Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008733 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q được nhận lại 22.700.000đ.

- Bà Trịnh Ngọc U phải chịu 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trịnh Ngọc U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006632 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Ngọc U còn phải nộp thêm số tiền 41.700.000đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).

7. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trịnh Xuân Q không phải chịu.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Xuân Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trịnh Xuân Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0091818 ngày 17/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND TP. Hồ Chí Minh;
– VKSND TP. Hồ Chí Minh;
– Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
– Chi cục THADS Quận Tân Bình;
– Các đương sự (8);
– Lưu: hồ sơ (2),VP (5), 21b (LTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đắc Minh